| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN P**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST.<br>Ngày 21-9-2020<br>V/v tranh chấp ly hôn | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ H**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Đức Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Học và bà Khuất Thị Luyến

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố H.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, thành phố H tham gia phiên toà***: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2020/TLST-HN&GĐ ngày 04/5/2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 04/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị J**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện P, Thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện P, Thành phố H; có mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện và các bản khai, nguyên đơn là chị Hà Thị J trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn X trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XuH (nay là xã K) năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung. Thời gian tiếp theo, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian rồi lại quay về ở với anh X mong vợ chồng hàn gắn được tình cảm, để các con được sống cùng với cả bố và mẹ. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng không cải thiện, vẫn thường xuyên cãi nhau. Ngày 05/3/2020,

chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau và xin được ly hôn anh X.

Về con chung: Chị và anh X có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải R, sinh ngày 12/8/2005. Ly hôn, chị đồng ý theo nguyện vọng của cháu R muốn ở với anh X.

Trong thời kỳ hôn nhân với anh X, do sai lầm nên chị đã có 01 con riêng với người đàn ông khác, cháu tên là Nguyễn Thu G, sinh ngày 21/12/2016. Ly hôn, chị nhận nuôi cháu G.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình điều tra, chị J khai vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai. Tại phiên tòa, chị J khai: Vợ chồng có tài sản chung và có nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Văn X trình bày: Anh và chị J tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn, đúng như chị J đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị J không chung thủy, đã quan hệ bất chính với người khác và có con. Chị J đã làm tổn thương danh dự của anh cũng như cả gia đình anh. Từ tháng 03/2020, chị J đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị J xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị J có 01 con chung là Nguyễn Hải R, sinh ngày 12/8/2005. Ly hôn, anh xin nuôi cháu R và không yêu cầu chị J cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời kỳ hôn nhân với anh, chị J có đẻ cháu Nguyễn Thu G, sinh ngày 21/12/2016. Anh nghi cháu G không phải là con đẻ của mình nên đã tự đi giám định và đề nghị Tòa án trưng cầu giám định ADN giữa anh và cháu G. Các kết luận giám định đều thể hiện: Anh và cháu G không có huyết thống cha-con. Ly hôn, cháu G không phải là con của anh nên anh không có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình điều tra, anh X khai vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai. Tại phiên tòa, anh X khai: Vợ chồng có tài sản chung và có nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dânsự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án xử: Cho chị Hà Thị J được ly hôn anh Nguyễn Văn X. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải R cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị J do anh X không yêu cầu. Xác định cháu Nguyễn Thu G là con riêng của chị J và chị J có trách nhiệm nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị J phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Hà Thị J xin ly hôn anh Nguyễn Văn X có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã K, huyện P và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị J và anh Nguyễn Văn X được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã XuH (nay là xã K) nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều công nhận vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, đã sống ly thân, đều không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân và cùng thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị J và anh X.

[3]. Về con chung: Chị J và anh X có 01 con chung là Nguyễn Hải R, sinh ngày 12/8/2005. Các đương sự đều thỏa thuận để anh X trực tiếp nuôi cháu R và cũng là nguyện vọng của cháu R, nên giao cháu R cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh X có đủ điều kiện và khả năng nuôi con, không yêu cầu chị J cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị J cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[4]. Về con riêng: Anh X và chị J đều xác định cháu Nguyễn Thu G sinh ngày 21/12/2016 mặc dù được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng không phải là con của anh X. Tại Kết luận giám định số 239/C09-TT3 ngày 21/8/2020 của Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an kết luật: Anh Nguyễn Văn X không phải là cha đẻ của cháu Nguyễn Thu G, nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Cháu Nguyễn Thu G sinh ngày 21/12/2016 không phải là con chung của anh X với chị J mà là con riêng của chị J. Giao cháu Nguyễn Thu G cho chị J nuôi dưỡng là phù hợp. Anh X, chị J có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho cháu Nguyễn Thu G.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị J phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 26 của Luật hộ tịch; Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị J và anh Nguyễn Văn X.

2. Về con chung: Chị Hà Thị J và anh Nguyễn Văn X có 01 chung là cháu Nguyễn Hải R, sinh ngày 12/8/2005. Giao cháu Nguyễn Hải R cho anh X trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị J đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị J được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về con riêng: Cháu Nguyễn Thu G sinh ngày 21/12/2016 không phải là con chung của chị Hà Thị J với anh Nguyễn Văn X. Cháu Nguyễn Thu G là con riêng của chị Hà Thị J. Giao cháu Nguyễn Thu G cho chị J trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn X và chị Hà Thị J có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thay đổi hộ tịch cho cháu Nguyễn Thu G.

4. Về tài sản chung, nợ: Không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hà Thị J phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003088 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Đức Hiếu**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Đức Hiếu**

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND thành phố H;
- UBND xã K, huyện P;
- Lưu HS, VP.